

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của Bên B:

1. Yêu cầu Bên A giao kho bãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.
2. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về kho bãi.
3. Được đổi kho bãi đang thuê với người thuê khác nếu được Bên A đồng ý bằng văn bản.
4. Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên A gây ra.
5. Các quyền khác trong hợp đồng.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

1. Bảo quản, sử dụng kho bãi đúng công năng, thiết kế và thỏa thuận trong hợp đồng.
2. Thanh toán đủ tiền thuê kho bãi theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng.
3. Sửa chữa hư hỏng của kho bãi do lỗi của mình gây ra.
4. Trả kho bãi cho Bên A theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê kho bãi khi Bên B có một trong các hành vi sau:

- a) Thanh toán tiền thuê kho bãi chậm 03 tháng trở lên so với thời điểm thanh toán tiền đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của Bên A.
- b) Sử dụng kho bãi không đúng mục đích thuê.
- c) Cố ý gây hư hỏng nghiêm trọng kho bãi thuê.
- d) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, đổi hoặc cho thuê lại kho bãi đang thuê mà không có thỏa thuận trong hợp đồng hoặc không được Bên A đồng ý bằng văn bản.

6.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê kho bãi khi Bên A có một trong các hành vi sau:

- a) Không sửa chữa kho bãi khi kho bãi không bảo đảm an toàn để sử dụng hoặc gây hại cho Bên B.
- b) Tăng giá kho bãi bất hợp lý.
- c) Quyền sử dụng kho bãi bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

6.3. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê kho bãi phải báo cho Bên kia biết trước 01 tháng nếu không có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

